

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-5-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Bà Nguyễn Thị Thân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Thành Thiên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Ánh T, sinh năm 2001;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị T, anh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Đỗ Ánh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Quốc H tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống thường xuyên cự cãi không có hạnh phúc chị và anh H không chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc H

Về con chung: Chị T và anh H chung sống có 01 con chung là Nguyễn Huy H2, sinh ngày 14/10/2020 chị T đồng ý giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H2 thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Quốc H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H thống nhất với lời khai của chị T về thời gian chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị T1 về con chung. Anh H3 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn H3 H4 yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi cháu H4 2.000.000 đồng/tháng thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi cháu Hoàng t n.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H3 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Đỗ Ánh T2 và bị đơn anh Nguyễn Quốc H4 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Á T2 được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H4

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn H3 H4 cho anh H5 trực tiếp nuôi dưỡng về cấp dưỡng bà T2 cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Về tài sản và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận;

- Về án phí: Chị T2 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Á T2 và anh Nguyễn Quốc H4 là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T2, anh H4.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Ánh T2, anh Nguyễn Quốc H4 tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 17/9/2019. Xét thấy các bên có đủ điều kiện kết hôn, thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị T2 và anh H4 là đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T2 nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, anh H4 có đến Tòa án trình bày ý kiến của bản thân, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn thể hiện ý thức không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, không có nhu cầu, nguyện vọng, thiện chí hòa giải hàn gắn, đoàn tụ. Mặt khác, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T2 và anh H4 thể hiện: quá trình chung sống vợ chồng chị T2 và anh H4 thường xuyên mâu thuẫn, chị T2 đã cố gắng hàn gắn gia đình vài lần nhưng không được, chị T2 về nhà cha mẹ ruột để sinh sống từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của chị T2 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T2 và anh H4 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T2 đối với anh H4.

[3] Về con chung: Chị T2 và anh H4 có một người con chung là cháu Nguyễn H3 H4 sinh ngày 14/10/2020. Xét nguyện vọng của chị T2 và anh H4 điều kiện hiện nay của cháu H4 hiện được anh H4 đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; cháu H4 đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh H4 nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo điều kiện tốt nhất. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn H3 H4 cho anh Nguyễn Quốc H4 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T2 tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H4 đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T2 và anh H4 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị T2 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Ánh T2 đối với anh Nguyễn Quốc H4 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Ánh T2 với anh Nguyễn Quốc H4. Chị T2 và anh H4 không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn H3 H4 sinh ngày 14/10/2020 cho anh Nguyễn Quốc H4 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T2 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H4 đủ 18 tuổi có khả năng nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn chị Đỗ Á T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; anh Nguyễn Quốc H4 cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Đỗ Á T2 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T2 và anh H4 không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Á T2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về phần cấp dưỡng nuôi con) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T2 đã nộp theo biên lai thu số 0004629 ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị T2 còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Mỏ Công (số 66 – 17/9/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc An